

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày 06 - 4 - 2022
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Hùng
Bà Liêu Bích Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Trương Trung Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử công khai vụ án thụ lý số: 15/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Chị Nguyen Thi Dieu T1 (tên gọi khác Nguyễn Thị Diệu T1), sinh năm 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ: M V P, Thụy Điền.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, anh Trần Văn T trình bày: Anh và chị Nguyen Thi Dieu T1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy nhân dân tỉnh Bạc Liêu ngày 10/4/2014 và được cấp giấy chứng nhận. Sau khi đăng ký kết hôn anh và chị T1 chung sống với nhau tại Bạc Liêu và thành phố Hồ Chí Minh khoảng 01 tháng, sau đó chị T1 trở về Thụy Điền sinh sống. Khoảng 01 năm sau thì anh và chị T1 không còn liên lạc với nhau nữa. Trong thời gian sống chung chị T1 có làm thủ tục bảo lãnh anh sang Thụy Điền để vợ chồng đoàn tụ, nhưng do anh đã có công việc làm ổn định tại Thành phố Hồ Chí Minh, nên anh không muốn sang Thụy Điền chung sống với chị T1 nữa. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu được ly hôn với chị T1.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung anh xác định vợ chồng không có và không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Đối với bị đơn chị Nguyen Thi Dieu T1, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện việc ủy thác tư pháp trực tiếp theo địa chỉ cư trú của chị T1 tại Thụy Điển, ngày 21/10/2021 Tòa án nhận được bảng trả lời câu hỏi có chữ ký của chị T1 có nội dung như sau: Chị T1 và anh T đăng ký kết hôn ngày 10/4/2014 tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu trên tinh thần tự nguyện. Quá trình chung sống hạnh phúc nhưng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn khoảng 04 năm nay, nguyên nhân do vợ chồng ở cách xa nhau. Nay chị T1 cũng đồng ý ly hôn với anh T. Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung, tài sản chung và nợ chung. Hiện chị đang sinh sống tại Thụy Điển, không có điều kiện đến Tòa án Việt Nam để tham gia phiên họp, phiên tòa xét xử sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

+ Về nội dung vụ án: Anh Trần Văn T và chị Nguyen Thi Dieu T1 tự thống nhất nguyện kết hôn ngày 10/4/2014 và được Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh T và chị T1 sống chung với nhau được một thời gian ngắn, hiện nay không còn tình cảm và chị T1 cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 121, 122, 123 và 127 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Trần Văn T, xử cho anh T được ly hôn với chị Nguyen Thi Dieu T1. Về con chung, tài sản chung và nợ chung anh T và chị T1 xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyen Thi Dieu T1 là người Việt Nam đang định cư M V P, Thụy Điển, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện ủy thác tư pháp cho chị T1 bằng hình thức gửi hồ sơ ủy thác trực tiếp theo địa chỉ của chị T1 tại Thụy Điển, ngày 21/10/2021 Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu nhận được bảng trả lời câu hỏi của chị T1 gửi trực tiếp cho Tòa án. Tuy nhiên, bảng trả lời câu hỏi của chị T1 được gửi từ Thụy Điển về Việt Nam nhưng không được hợp pháp hóa lãnh sự, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự thì bảng trả lời của chị

T1 không có giá trị pháp lý. Do chị T1 vắng mặt, nên căn cứ điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị T1.

[4] Đối với nguyên đơn anh Trần Văn T, ngày 25/5/2021, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, xét thấy, đơn xin xét xử vắng mặt của anh T là phù hợp với quy định pháp luật, nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với anh T.

[5] Về nội dung vụ án: Xét quan hệ hôn nhân, theo giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu thể hiện anh T và chị T1 kết hôn ngày 10/4/2014, có căn cứ để xác định hôn nhân giữa anh T và chị T1 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai của anh T có sơ sở xác định, sau khi kết hôn anh chị chỉ chung sống với nhau trong một thời gian ngắn, sau đó chị T1 về Thụy Điển sinh sống và làm việc còn anh T sống ở Việt Nam. Anh T và chị T1 thống nhất, do khoảng cách địa lý mà mỗi người ở một nơi không thể đoàn tụ được, nên vợ chồng không còn tình cảm với nhau, hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và anh chị đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*, theo đó thì giữa anh T và chị T1 đã không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, hiện nay anh T và chị T1 không còn liên lạc với nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thực hiện được do mỗi người ở một nơi không thể đoàn tụ được. Do đó, căn cứ các Điều 56 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện của anh T, xử cho anh Trần Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Diệu T1 là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[6] Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị T1 thống nhất xác định vợ chồng không có con chung, tài sản chung và nợ chung, khi ly hôn cả hai không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Trần Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, các Điều, 273, 280, 469, 477, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 19,

khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Trần Văn T đối với chị Nguyễn Thị Diệu T1.

Xử cho anh Trần Văn T, sinh năm 1983 được ly hôn với Nguyễn Thị Diệu T1 (tên gọi khác Nguyễn Thị Diệu T1), sinh năm 1964.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị Diệu T1 thống nhất xác định không có, không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Anh Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng, anh Võ Văn L nộp đã nộp tạm ứng án phí thay cho anh Trần Văn T số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0000017 ngày 12 tháng 5 năm 2021, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, anh Trần Văn T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; chị Nguyễn Thị Diệu T1 có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 (Một) tháng, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- UBND huyện H;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Anh Tuấn